

Bản án số 03/2022/DS-ST

Ngày 06-4-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”
giữa bà Võ Thị H với ông Trần Hữu Đ,
bà Trương Thị Thùy T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Toàn
2. Bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu phố 2, phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1969 và bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1972 (vợ ông Đ); nơi cư trú: Đội 7, thôn Nại Cửu, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu Đ: Bà Trương Thị Thùy T (vợ ông Đ); nơi cư trú: Đội 7, thôn Nại Cửu, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (theo giấy ủy quyền ngày 03/12/2021) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021, biên bản hòa giải 29/12/2021, ngày 21/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Vào tháng 11 năm 2018, vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T có đặt vấn đề bán lúa cho bà Võ Thị H với phương thức: Bên mua (Võ Thị H) trả tiền trước cho bên bán vào tháng 11/2018 với giá 4.500.000 đồng/1 tấn lúa, đến mùa gặt bên bán sẽ giao lúa cho bên mua, thỏa thuận ngày giao lúa là ngày 10/4/2019, tại thời điểm này giá lúa lên hoặc xuống thì bên mua tự chịu. Để có đủ số lượng lúa bán cho bà Hương, vợ chồng ông Đ và bà T cam

kết sẽ tự đi thu gom của một số hộ dân trong thôn Nai Cừ, xã Triệu Đông (nay là xã Triệu Thành), huyện Triệu Phong và tự lập mẫu hợp đồng mua bán lúa giữa ba bên gồm: Bên mua là bà H, bên bán là các hộ dân, bên nhận giùm là vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T. Các hợp đồng mua bán lúa này được ông Đ và bà T tự đi làm và ký với bên bán chứ bà H không gặp những người bán lúa này. Sau này ông Đ và bà T đem hợp đồng đến cho bà H kèm theo giấy chứng minh nhân dân của người bán. Số tiền mua lúa bà H trả trực tiếp cho ông Đ và bà T, số tiền cụ thể tùy theo giá trị của từng hợp đồng. Tổng số lúa ông Đ và bà T cam kết giao, bán cho bà H là 40 tấn (trong đó của ông Đ, bà T là 6 tấn và thu gom của 17 hộ khác là 34 tấn). Toàn bộ số tiền mua 40 tấn lúa bà H đã trực tiếp giao cho vợ chồng ông Đ, bà T và vợ chồng ông Đ, bà T cam kết giao đủ cho bà H toàn bộ số lúa nói trên. Tuy nhiên, khi đến ngày hẹn theo thỏa thuận, ông Đ và bà T vẫn không giao lúa cho bà H. Sau nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T giao lúa nhưng ông Đ, bà T không thực hiện nên đến ngày 22/5/2019 (tức ngày 18/4/2019 âm lịch) vợ chồng ông Đ, bà T gặp bà H và cho rằng đã nhận 34 tấn lúa nhưng đã đem bán cho người khác và mong được trả nợ bằng tiền mặt; cùng ngày ông Đ, bà T đã viết “Đơn nhận tiền lúa” để xác nhận nợ của bà H 34 tấn lúa (giá trị tại thời điểm này là 5.500.000 đồng/tấn), thành tiền là 187.000.000 đồng, cùng với số tiền nợ cũ là 8.000.000 đồng; tổng cộng là 195.000.000 đồng và ông Đ, bà T cam đoan trả số tiền này cho bà H trong thời hạn 01 năm (mỗi tháng trả 15.000.000 đồng) thời hạn trả cuối cùng vào ngày 10/5/2020 (tức ngày 18/4/2020 âm lịch). Tuy nhiên, ông Đ, bà T chỉ trả 01 tháng đầu với số tiền 10.000.000 đồng; số tiền còn lại là 185.000.000 đồng đến nay ông Đ và bà T vẫn không chịu trả. Đối với 06 tấn lúa ông Đ, bà T cam kết bán trực tiếp cho bà H nhưng không giao lúa nên vào ngày 14/5/2019 (tức ngày 10/4 âm lịch) ông Đ, bà T viết giấy bán lúa để xin hẹn lại đến ngày 09/01/2020 (tức ngày 15/12/2019 âm lịch) sẽ giao đủ lúa hoặc trả bằng tiền theo mức giá 6.000.000 đồng/tấn (do giá lúa tăng) với số tiền 36.000.000 đồng, nhưng đến nay ông Đ, bà T vẫn không trả lại tiền cho bà H.

Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải trả cho bà H tổng số tiền là 255.213.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 221.000.000 đồng, tiền lãi: 34.213.000 đồng, cụ thể tiền lãi là: Khoản tiền nợ gốc 185.000.000 đồng tính tiền lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/11/2021 là 18 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 27.639.000 đồng; khoản tiền nợ gốc 36.000.000 đồng tính tiền lãi tính từ ngày 10/1/2020 đến ngày 10/11/2021 là 22 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 6.574.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến không đề ngày (Tòa án nhận ngày 3/12/2021), biên bản hòa giải 29/12/2021, ngày 21/3/2022 và tại phiên tòa, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị Thùy T trình bày:

Vào tháng 11 năm 2018, vợ chồng ông Đ, bà T có đặt vấn đề bán lúa với bà H với phương thức: Bên mua (Võ Thị H) trả tiền trước cho bên bán (là vợ chồng tôi) vào tháng 11/2018 với giá 4.500.000 đồng/1 tấn lúa, đến mùa gặt bên bán sẽ giao lúa cho bên mua, thỏa thuận ngày giao lúa là ngày 10/4/2019, tại thời điểm này giá lúa lên hoặc xuống thì bên mua tự chịu. Số tiền mua lúa bà H trả trực tiếp cho vợ chồng bà T, số tiền cụ thể tùy theo giá trị của từng hợp đồng; tổng số lúa vợ chồng bà T cam kết giao, bán cho bà H là 40 tấn (trong đó của vợ chồng bà T, ông Đ là 6 tấn và thu gom của 17 hộ khác là 34 tấn). Toàn bộ số tiền mua 40 tấn lúa bà H đã trực tiếp giao cho vợ chồng ông Đ, bà T và hiện nay vợ chồng ông Đ, bà T vẫn

chưa giao lúa cho bà H. Nay, bà Võ Thị H yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả cho bà H tổng số tiền gốc và lãi là 255.213.000 đồng; trong đó tiền gốc là 221.000.000 đồng, tiền lãi 34.213.000 đồng, vợ chồng ông Đ, bà T đồng ý, không có ý kiến gì. Tuy nhiên, hiện tại gia đình ông Đ, bà T đang rất khó khăn, ông Đ đang bị bệnh nặng, các con đang thất nghiệp nên đề nghị bà H cho trả số tiền gốc 221.000.000 đồng với hành thức mỗi tháng 5.000.000 đồng hoặc mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng số tiền lãi 34.213.000 đồng mong bà H xem xét không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải trả số tiền gốc và lãi là 255.213.000 đồng phát sinh từ việc mua bán lúa, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T có nơi cư trú tại đội 7, thôn Nại Cửu, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Bà Võ Thị H viết đơn khởi kiện nên xác định là nguyên đơn và khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T nên xác định ông Đ, bà T là bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Hữu Đ ủy quyền cho bà Trương Thị Thùy T tham gia tố tụng nên bà Trương Thị Thùy T là bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Hữu Đ.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Võ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, cụ thể: Buộc vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải trả khoản tiền gốc và lãi là 255.213.000 đồng, trong đó tiền gốc là 221.000.000 đồng, tiền lãi là 34.213.000 đồng; phía bà Trương Thị Thùy T thừa nhận quá trình mua bán lúa, vợ chồng bà T, ông Đ đã nhận tiền nhưng không giao lúa nên còn nợ tiền bà Võ Thị H và đồng ý khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà H; tuy nhiên hiện tại hoàn cảnh gia đình bà T, ông Đ rất khó khăn, ông Đ đang bị bệnh nặng, các con đều thất nghiệp nên đề nghị bà H cho trả dần số tiền gốc mỗi tháng trả 5.000.000 đồng hoặc mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; riêng số tiền lãi xin bà H không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ giấy bán lúa 10/4/2019 thể hiện vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T có bán cho bà Võ Thị H 6 tấn lúa với tổng số tiền 36.000.000 đồng và giấy nhận tiền lúa giùm ngày 22/5/2019 thể hiện vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T nhận giùm lúa với tổng số tiền 195.000.000 đồng; ông Đ, bà T thừa nhận đã nhận tiền của bà H nhưng chưa giao lúa cho bà H, quá trình mua bán chỉ mới trả cho bà H 10.000.000 đồng. Như vậy, quan hệ mua bán lúa giữa bà Võ Thị H và vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T là hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Do vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T đã nhận tiền của bà Võ Thị H nhưng không thực hiện việc giao lúa nên đã vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận trong quá trình

mua bán với nhau. Vì vậy, việc bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T trả số tiền gốc 221.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với yêu cầu số tiền lãi, vợ chồng ông Đ, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà H yêu cầu khoản tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị H chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi bà H viết đơn khởi kiện đến Tòa án, nên cần chấp nhận theo yêu cầu của bà H là 34.213.000 đồng, cụ thể:

- Đối với khoản tiền nợ gốc 185.000.000 đồng: Tiền lãi tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/11/2021 là 18 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 27.639.000 đồng.

- Đối với khoản tiền nợ gốc 36.000.000 đồng: Tiền lãi tính từ ngày 10/1/2020 đến ngày 10/11/2021 là 22 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 6.574.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ: Trong giấy mua bán lúa và giấy xác nhận nợ, đều có chữ ký của bà Võ Thị H, ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T; ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T có quan hệ vợ chồng. Do đó, trách nhiệm trả nợ cho bà Võ Thị H thuộc về vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H. Buộc vợ chồng ông Trần Hữu Đ, bà Trương Thị Thùy T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền gốc và lãi là 255.213.000 đồng, trong đó tiền gốc 221.000.000 đồng, tiền lãi 34.213.000 đồng.

[3] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.760.000 đồng (255.213.000 đồng x 5%).

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H. Buộc vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền gốc 221.000.000 đồng, tiền lãi 34.213.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 255.213.000 đồng (*hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười ba ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Buộc vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Trương Thị Thùy T phải chịu 12.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.380.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000030 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

